

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 315/2021/HS-ST
Ngày: 29-9-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Phúc Tiếng

Ông Nguyễn Công Tình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 291/2021/TLST - HS, ngày 17 tháng 9 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Xa Thị S** - Sinh ngày 15 tháng 10 năm 1979 tại tỉnh Hòa Bình.

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 08/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Xa Văn Chiền (đã chết); Con bà: Đinh Thị H. Bị cáo có chồng: Hà Văn Đ (đã chết) và có 02 con, con lớn nhất sinh năm: 1999, con nhỏ nhất sinh năm: 2001; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Đinh Thị Đ - sinh năm 1976

Cư trú: Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2/ Nguyễn Anh V - sinh năm 1983,

Cư trú tại: Số Nhà B, đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3/ Nguyễn Duy T, sinh năm 1957

Cư trú: Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24 tháng 11 năm 2019, Xa Thị S cho bà Đinh Thị Đ vay số tiền 90.000.000 đồng, bà Đ để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) số CS032560, số mã vạch 2416619719035 cho Sim giữ, để làm tin có đặc điểm: Mục số I ghi người sử dụng đất là bà Đinh Thị Đ, năm sinh 1976, số CMND: 241589709, địa chỉ thường trú: Thôn H, xã H, thành phố B; Mục số II ghi thửa đất số 314, tờ bản đồ số 59, với diện tích 201,3m², tại xã H, thành phố B, có hình dấu tròn của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đắk Lắk và chữ ký, dấu tên của ông Nguyễn Đình T (TUQ- Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai) đề ngày 19 tháng 11 năm 2019, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS-1235; Mục III là sơ đồ thửa đất. Đầu năm 2021, S nhận được tin nhắn từ số điện thoại (chưa xác định) nhắn tin vào số điện thoại 0917934439 của Sim với nội dung: “nhân làm giấy tờ các lo ại nhanh chóng, uy tín liên hệ số điện thoại ...” (do chiếc điện thoại này đã bị mất nên S không nhớ được số điện thoại). Sau khi xem tin nhắn, S biết được đây là hoạt động quảng cáo dịch vụ nhận làm giả giấy tờ nên nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền. Sau đó, S dùng số thuê bao 0917934439 để gọi cho số thuê bao nhận làm giả giấy tờ ghi trong tin nhắn nêu trên thỏa thuận đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Xa Thị S thì được 01 người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) nhận làm với giá 15.000.000 đồng, theo hướng dẫn của người này, S dùng điện thoại di động của S chụp các mặt của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần làm giả (là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS032560 mang tên bà Đinh Thị Đ) và giấy chứng minh nhân dân của S rồi sử dụng tài khoản Face book có tên “Hoa thiên lý” của S gửi các hình ảnh chụp cho tài khoản Face book bị cáo khai có tên là “Tuấn A”. Đến khoảng ngày 08 hoặc 09 tháng 01 năm 2021 (S không nhớ cụ thể), khi S đang ở một mình tại số nhà C, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì nhận được điện thoại của 01 người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) gọi ra trước nhà đưa cho S 01 túi giấy bên trong có 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS032560 mang tên Xa Thị S (có Mục II, III nội dung giống Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đinh Thị Đ) thì S đưa cho người đàn ông số tiền 15.000.000 đồng, rồi cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào nhà cất. Đến ngày 19/01/2021, S liên hệ gặp người quen là Nguyễn Anh V, rồi đưa cho V Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này hỏi vay số tiền từ 100.000.000 đến 150.000.000 đồng. V đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Nguyễn Duy T nhờ kiểm tra tính pháp lý, ông T mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đối chiếu thì phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS032560, mã vạch 2416619719069 mang tên Xa Thị S ghi ngờ là giấy tờ giả nên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tạm giữ và chuyển cho Cơ quan điều

tra, làm rõ. Quá trình điều tra, bị cáo Xa Thị S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS032560, mã vạch 2416619719035 mang tên Đinh Thị Đ.

Tại bản kết luận giám định số: 385/PC09 ngày 12/4/2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định: Mẫu phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các hình dấu tròn, dấu tên, chữ ký của người có thẩm quyền trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Xa Thị S đều không phù hợp với nguồn so sánh được Cơ quan điều tra thu thập từ Cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên (xác định là giấy giả); Mẫu phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các hình dấu tròn, dấu tên, chữ ký của người có thẩm quyền trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đinh Thị Đ đều phù hợp với nguồn so sánh được Cơ quan điều tra thu thập từ Cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên (xác định là giấy thật).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung trên, bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì.

Tại bản cáo trạng số: 320/CT-VKS-TPBMT ngày 16/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Xa Thị S, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột sau khi phân tích đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo Xa Thị S và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Xa Thị S theo bản cáo trạng số 320/CT-VKS-TPBMT ngày 16/9/2021 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Xa Thị S từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng về tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS032560, mã vạch 2416619719069 mang tên Xa Thị S, quá trình điều tra xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu lưu giữ tại hồ sơ vụ án. Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS032560, mã vạch 2416619719035 mang tên Đinh Thị Đ, quá trình điều tra xác định là thật. Tuy nhiên, sau khi cầm cố cho Xa Thị S để vay tiền, bà Đ đã khai mất và đến ngày 24/9/2020, bà Đ được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới số CV616434, đồng thời hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 032560 mang tên bà Đinh Thị Đ. Do vậy, cần lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bà Đinh Thị Đ khai: Năm 2019, bà có vay tiền của bị cáo Xa Thị S. Khi vay bà có đưa cho bị cáo S 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS032560, số mã vạch 2416619719035 giữ, để làm tin có đặc điểm: Mục số I ghi người sử dụng đất là bà Đinh Thị Đ, năm sinh 1976, số CMND: 241589709, địa chỉ thường trú: Thôn H, xã H, thành phố B; Mục số II ghi thửa đất số 314, tờ

bản đồ số 59, với diện tích 201,3m², tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi vay bà đã trả tiền cho bị cáo S và có đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị cáo S không đưa. Nên bà đã báo mất và đã được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Bà Đ không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Do không có tiền tiêu xài nên vào khoảng tháng 01 năm 2021, bị cáo Xa Thị S đã có hành vi thuê một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột số CS 032560, số vào sổ CS – 1235,1 cấp ngày 19/11/2019, mang tên Đinh Thị Đ làm giả mang tên Xa Thị S và sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay tiền của anh Nguyễn Anh V nhưng chưa vay tiền thì bị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B phát hiện báo công an là phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố về tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.”

[2] Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là nguy hiểm và gây tác hại xấu nhiều mặt cho xã hội và ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước cũng như tổ chức trong lĩnh vực quản lý về con dấu, tài liệu. Chỉ vì tham lam tư lợi nên bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Do đó đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra

nhằm cải tạo giáo dục riêng đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung trong toàn xã hội

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự. Tình tiết giảm nhẹ, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số. Nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội bị cáo đã khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội với nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đối với bị cáo không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo cũng đảm bảo tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, không còn tài sản nào khác. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong vụ án này đối với 2 đối tượng mà bị cáo Xa Thị S dùng điện thoại chuyển thông tin để làm giả và giao nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Xa Thị S. Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[4] Về vật chứng: Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS032560, mã vạch 2416619719069 mang tên Xa Thị S, quá trình điều tra xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS032560, mã vạch 2416619719035 mang tên Đinh Thị Đ, quá trình điều tra xác định là thật. Tuy nhiên, sau khi cầm cố cho Xa Thị S để vay tiền, bà Đ đã khai mất và đến ngày 24/9/2020, bà Đ được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới số CV616434, đồng thời hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 032560 mang tên bà Đinh Thị Đ. Do vậy, cần lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng hiệu Sam Sung mà bị cáo Xa Thị S khai nhận sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội đã đánh rơi, Cơ quan điều tra không xác định được để tạm giữ.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Xa Thị S, phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Xa Thị S 01 (Một) năm tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp người được hưởng án treo, thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Xa Thị S cho Ủy ban nhân xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS032560, mã vạch 2416619719069 mang tên Xa Thị S, quá trình điều tra xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Tịch thu lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS032560, mã vạch 2416619719035 mang tên Đinh Thị Đ, quá trình điều tra xác định là thật.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Xa Thị S phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, VKSND TP.BMT;
- Công an TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Thị My My